CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.0%	**-4.0%**	**-3.4%**

DT thuần
Q3/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 10.8%
YoY: ▼183| -94.5%

LN thuần
Q3/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.41| -95.3%
YoY: ▼17.8| -99.6%

LN sau thuế
Q3/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.39| -89.7%
YoY: ▼14.2| -99.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.6%
YoY: +/-▼ 70.2%

ROE (TTM)
Q3/25
13.1%
YoY: +/-▼ 12.5%

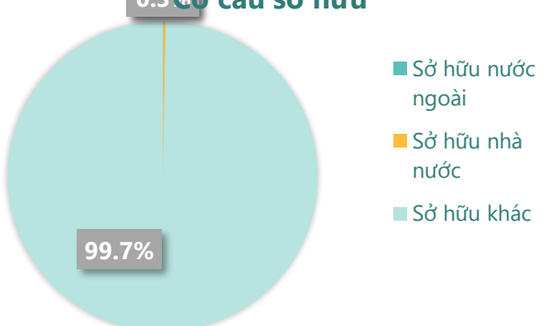
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,299 - 16,220
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	97
Số lượng CPLH (CP)	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,990
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.77
EPS	2,422
P/E	5.8

DT thuần
9T 2025
231
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 11.5%

LN thuần
9T 2025
21.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.90| 29.3%

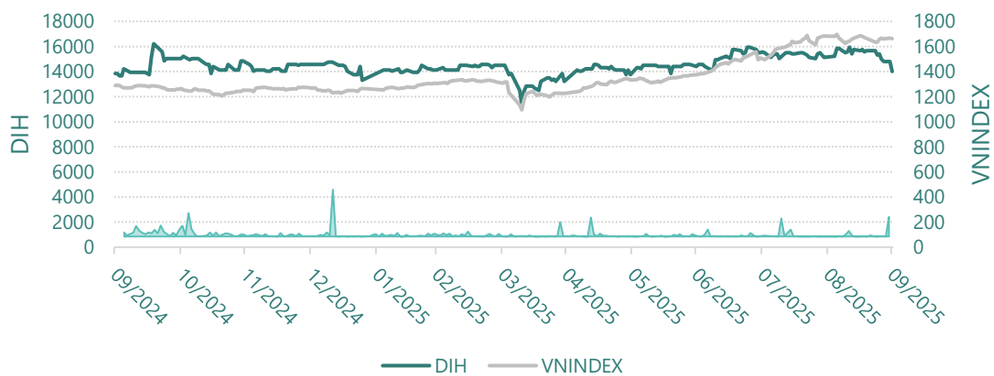
LN sau thuế
9T 2025
16.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20| 24.0%

Cơ cấu sở hữu

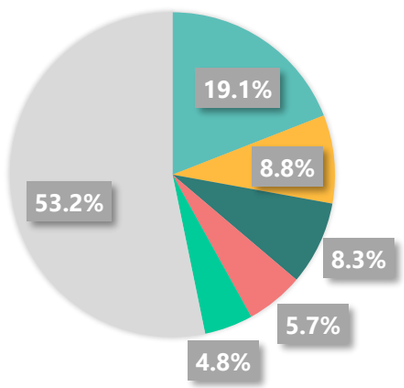


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

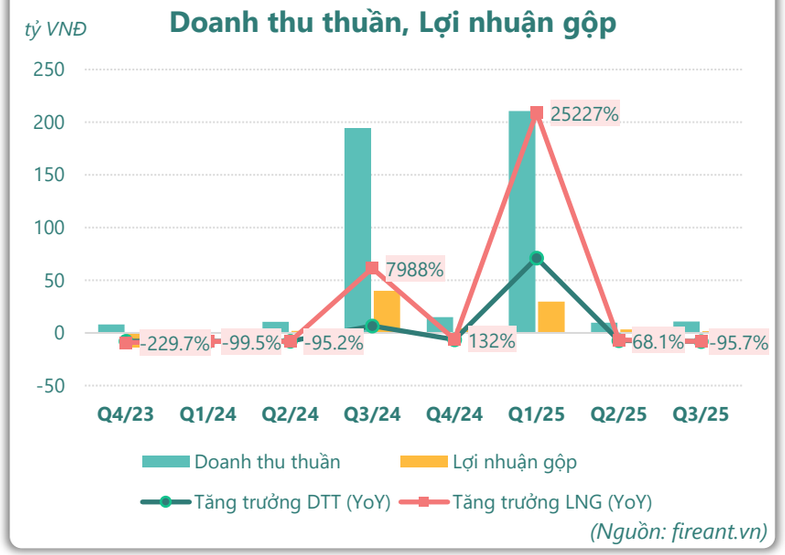


Cơ cấu cổ đông

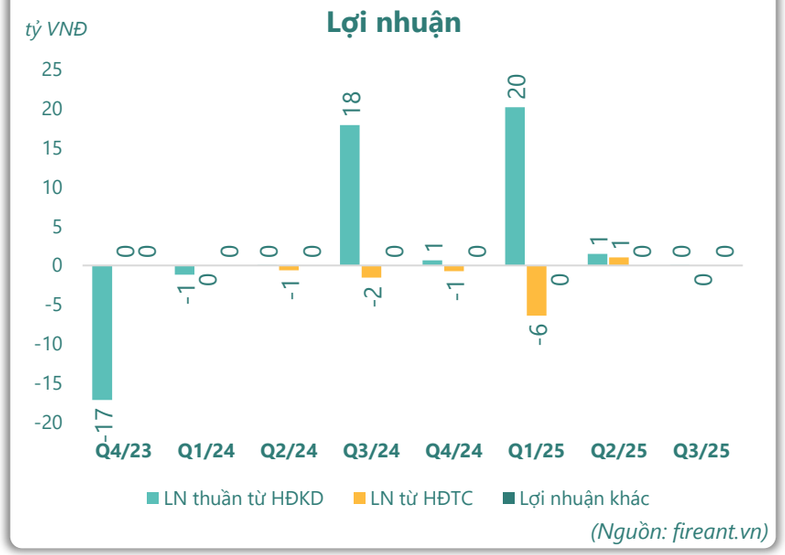


(Nguồn: fireant.vn)

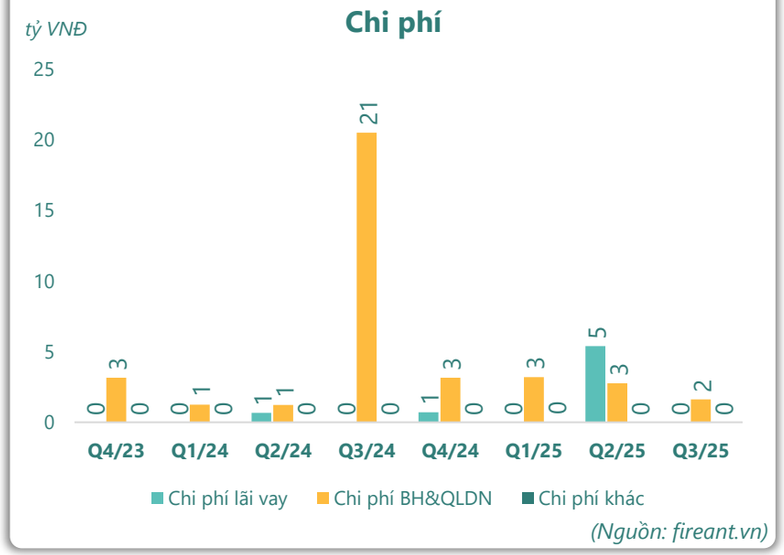
KẾT QUẢ KINH DOANH



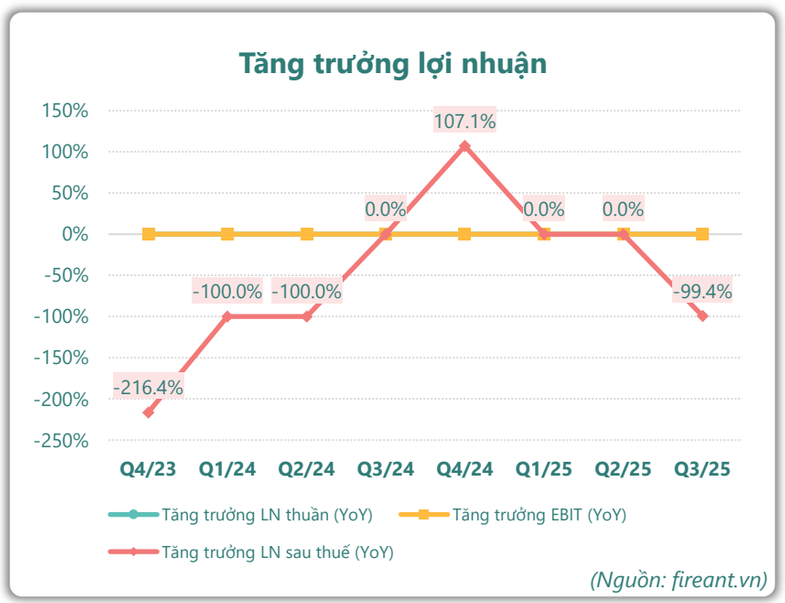
(Nguồn: fireant.vn)



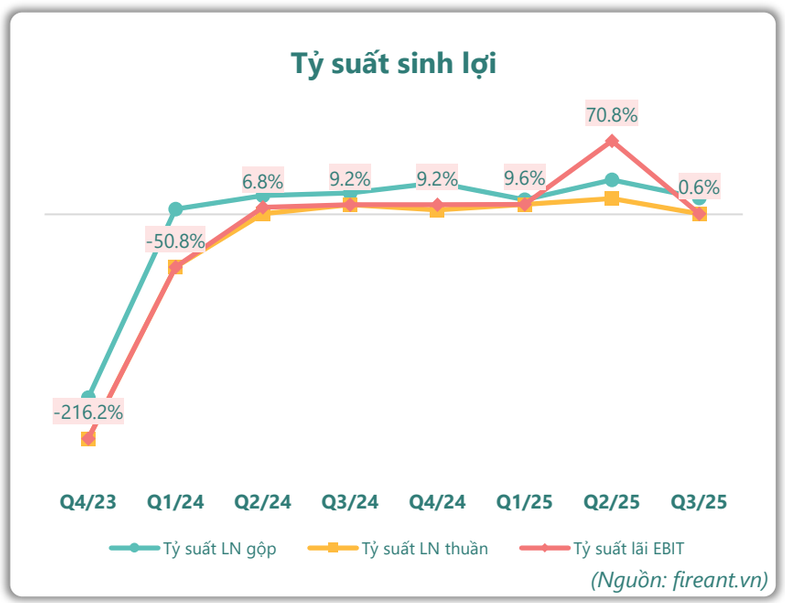
(Nguồn: fireant.vn)



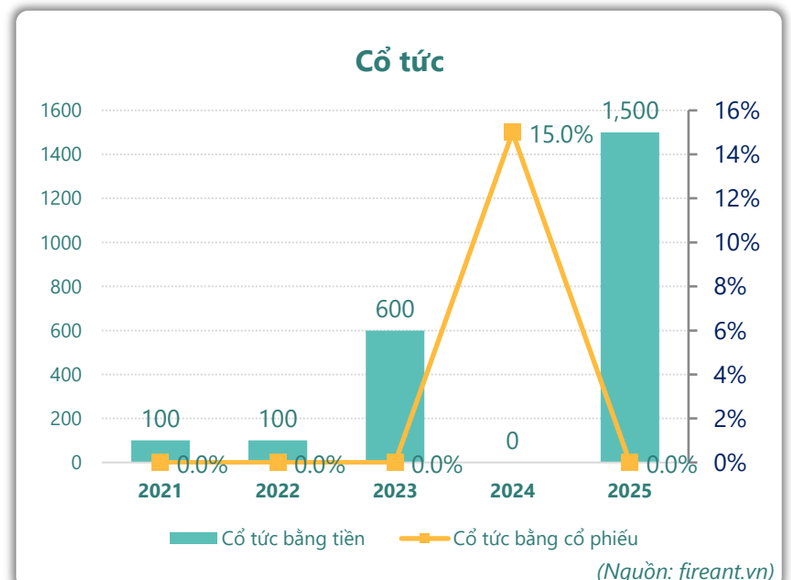
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



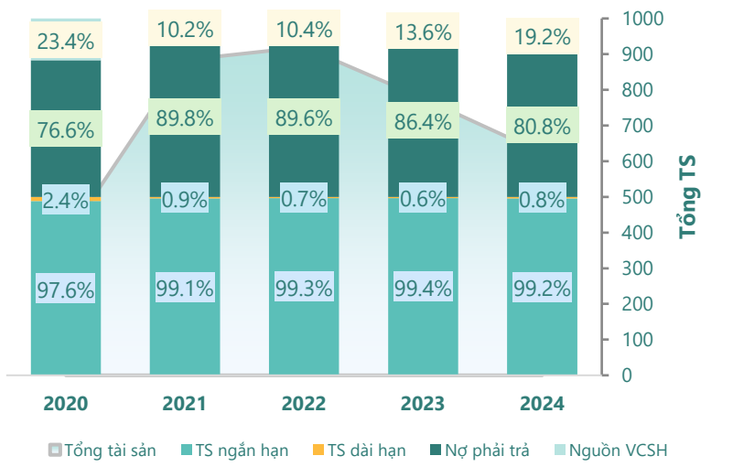
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

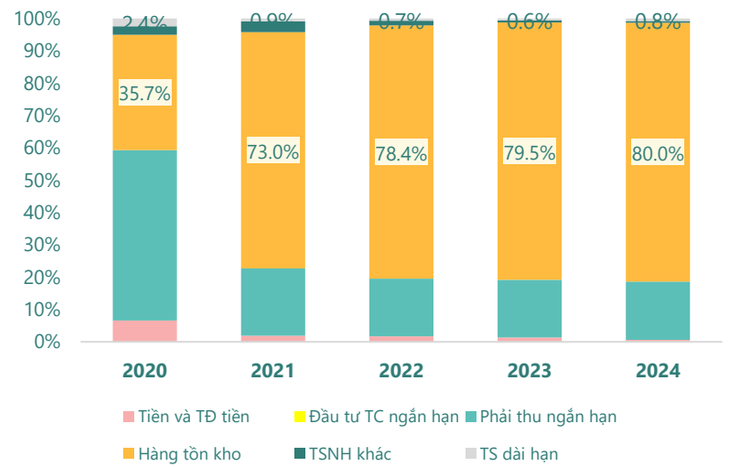
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



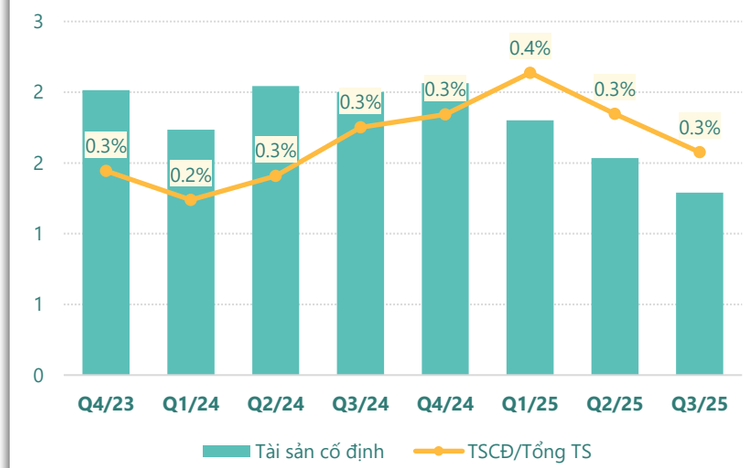
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



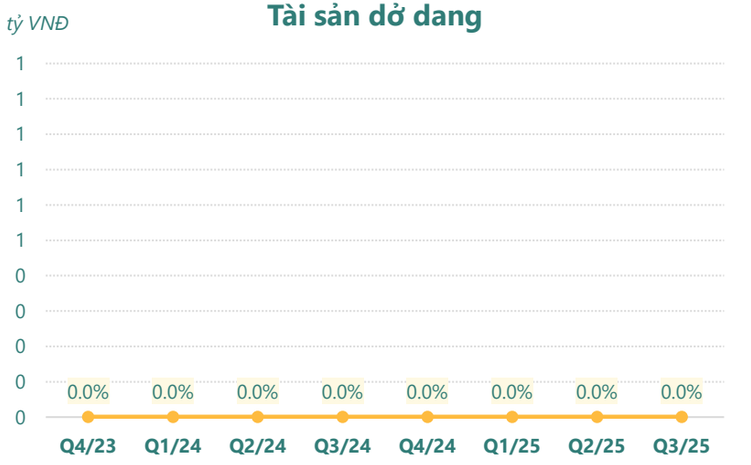
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



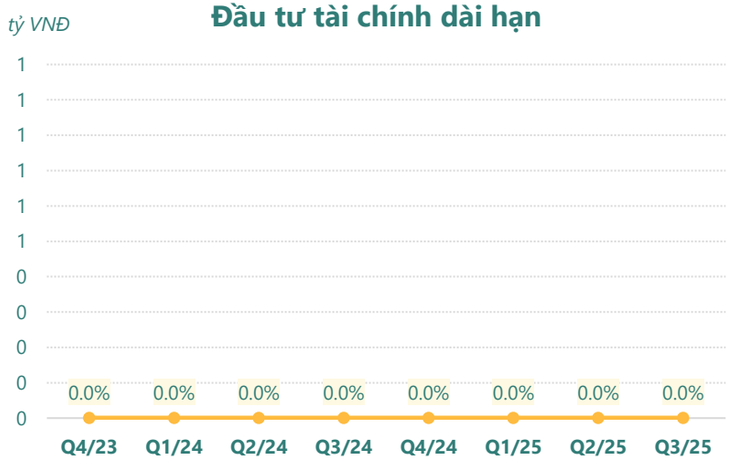
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



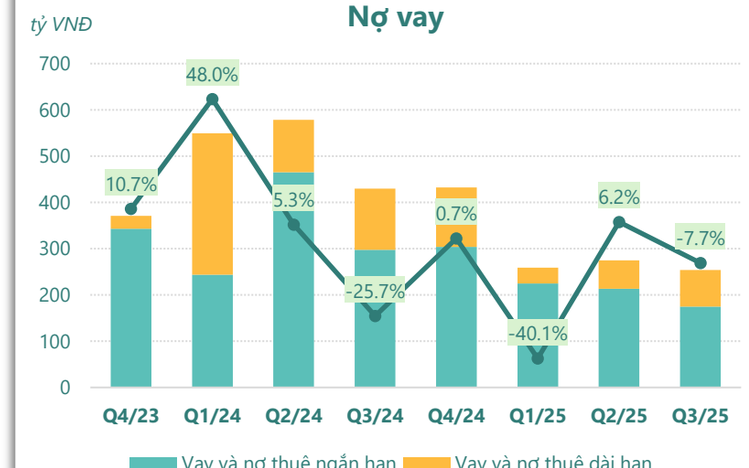
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

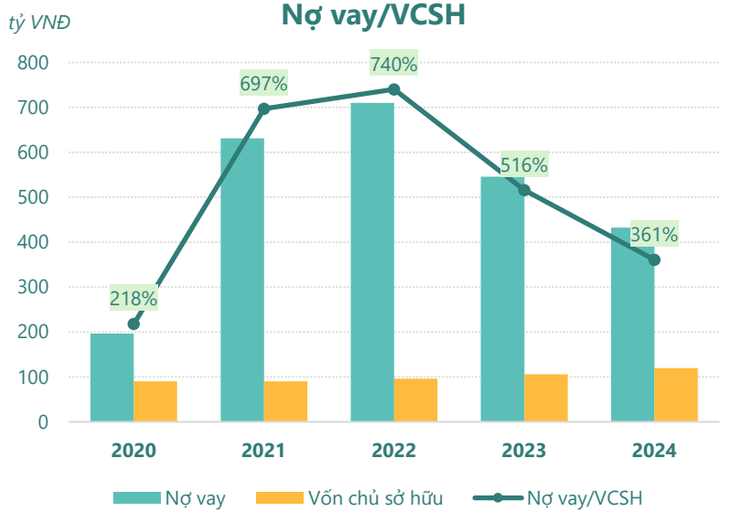
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

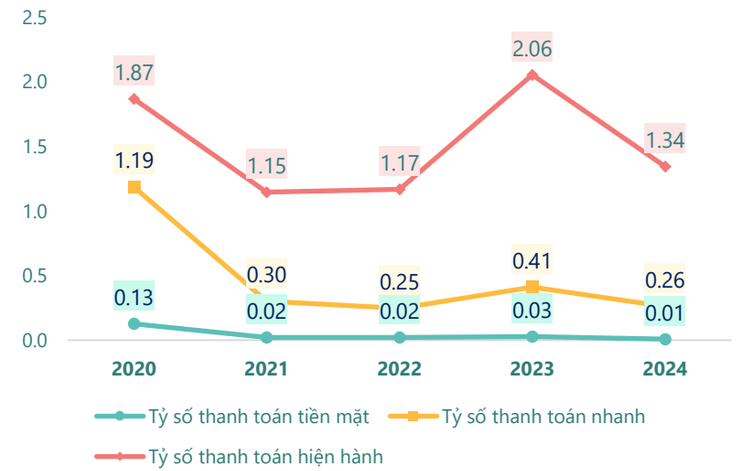
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



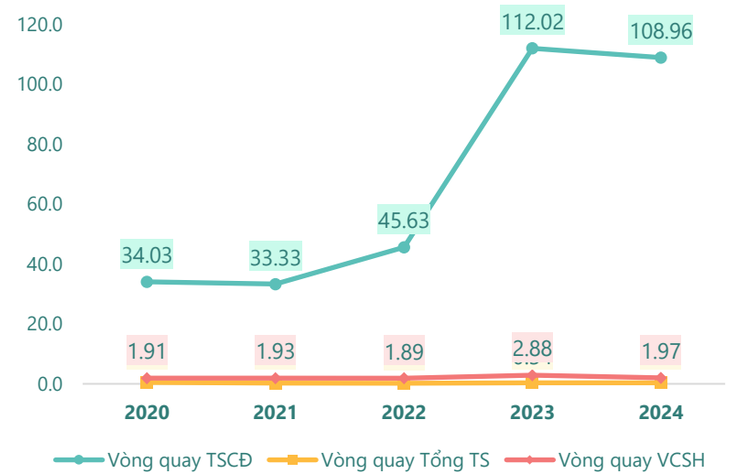
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



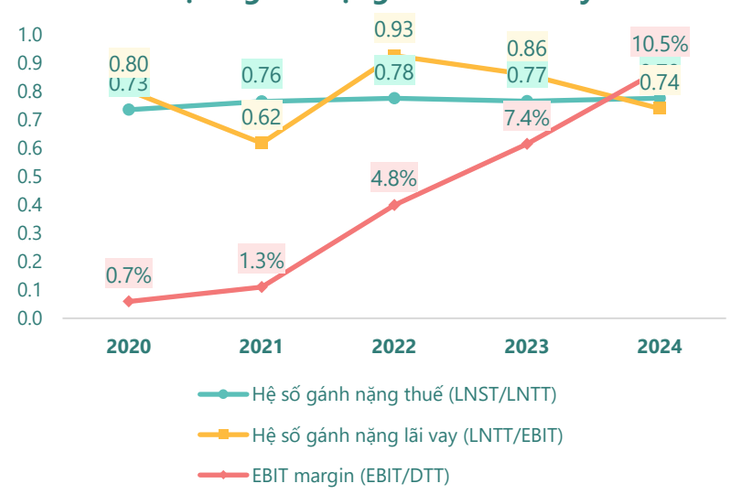
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



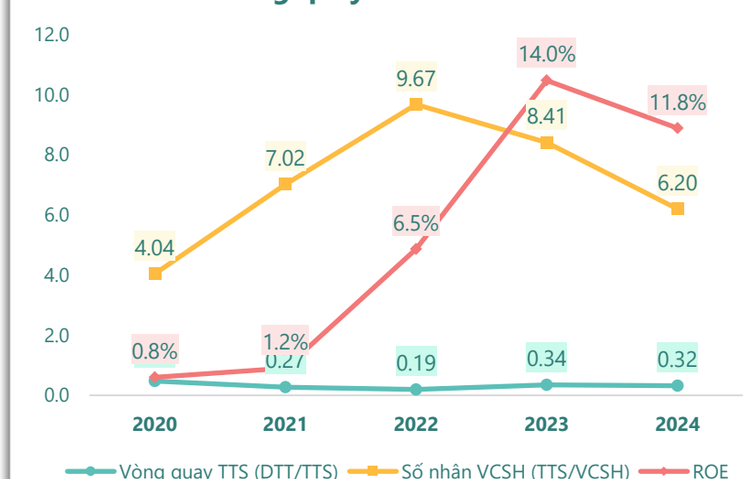
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



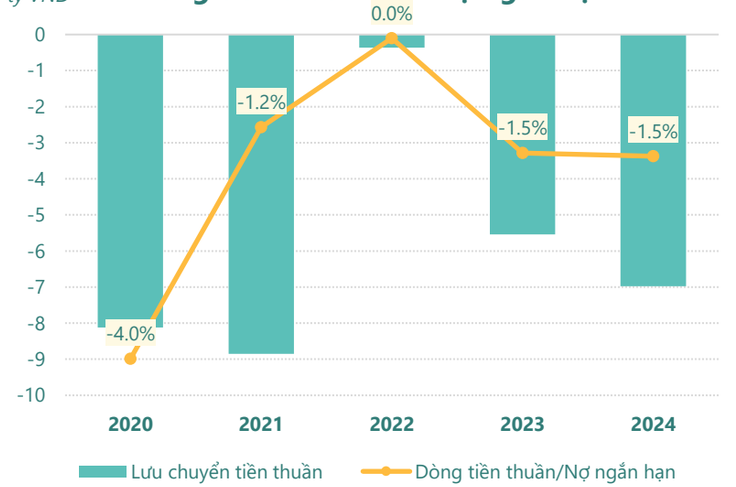
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.7**	**194**	**-94.5%**	**231**	**207**	**11.5%**
Giá vốn hàng bán	9.04	154	-94.1%	196	165	18.8%
Lợi nhuận gộp	1.70	40.0	-95.7%	34.7	42.0	-17.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.02	-21.9%
Chi phí TC	0.02	1.57	-99.0%	5.41	2.22	143%
Chi phí lãi vay	0	0.00		5.39	0.66	720%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	13.7	-100%	0	13.7	-100%
Chi phí QLDN	**1.62**	**6.80**	**-76.2%**	**7.58**	**9.29**	**-18.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.07	17.9	-99.6%	21.7	16.8	29.3%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.03**	**0**	
LN trước thuế	0.07	17.9	-99.6%	21.7	16.8	29.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**14.2**	**-99.7%**	**16.2**	**13.0**	**24.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**14.2**	**-99.7%**	**16.2**	**13.0**	**24.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.6	138	-1.88	176	-13.1	14.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.57	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.4	-149	2.91	-174	16.0	-21.3
Tiền đầu kỳ	1.97	12.0	1.45	2.48	4.52	7.44
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-10.6**	**1.04**	**2.03**	**2.93**	**-6.71**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	1.45	2.48	4.52	8.63	0.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**455**	**623**	**-26.9%**
Tài sản ngắn hạn	451	618	-27.0%
Tiền và tương đương tiền	1.92	3.67	-47.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	99.1	113	-12.0%
Hàng tồn kho	349	498	-30.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.45	3.36	-57.0%
Tài sản dài hạn	**4.02**	**4.87**	**-17.5%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.1%
Tài sản cố định	1.29	2.06	-37.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.40**	**2.48**	**-3.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	320	503	-36.3%
Nợ ngắn hạn	**241**	**460**	**-47.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	389	-55.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.8	28.2	-8.5%
Nợ dài hạn	78.9	43.3	82.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	78.9	43.3	82.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.4%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.4%**
Vốn điều lệ	68.9	68.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)